

Bản án số: **138**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2019
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Hữu Đức

Ông Phạm Ngọc Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 498/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 235/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982

Địa chỉ: khóm BĐ 2, phường BĐ, thành phố X, tỉnh G. (Có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1983

Địa chỉ: khóm BĐ 2, phường BĐ, thành phố X, tỉnh G. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Bé B đi đến hôn nhân và cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BĐ, vào ngày 01/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị B thường xuyên không về nhà anh đã nhiều lần khuyên nhưng chị B không thay đổi. Đến ngày 16/11/2018, chị B bỏ nhà đi không về anh chỉ trao đổi với chị B qua điện thoại được vài lần sau đó thì anh không liên lạc được với chị B. Tại phiên tòa, anh K yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé B.

+ *Về quan hệ con chung*: Có 03 con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 08/02/2006, Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 03/6/2009 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 29/12/2013. Sau khi ly hôn anh K yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Phần trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B*: Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K với chị Nguyễn Thị Bé B, về quan hệ con chung 03 con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 08/02/2006, Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 03/6/2009 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 29/12/2013, hiện con chung đang được anh K nuôi dưỡng ổn định nên chấp nhận yêu cầu của anh K sau khi ly hôn giao con chung cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của vị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Bé B mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị Nguyễn Thị Bé B vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Anh Nguyễn Văn K khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé B đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trình bày tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn K trình bày giữa anh và chị Nguyễn Thị Bé B tự quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân BD theo giấy chứng nhận kết hôn số 211 vào

ngày 01/11/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến cự cãi chủ yếu về kinh tế, chị B thường xuyên bỏ nhà đi, anh đã khuyên can nhiều lần nhưng không thể giải quyết và vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù được tổng đạt các văn bản nhưng chị B không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc anh K xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện anh K không đồng ý tiếp tục chung sống cùng với chị B, còn chị B không có ý kiến trình bày, hôn nhân giữa anh K với chị B không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2018 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Bé B.

[4] *Về con chung*: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện vợ chồng anh chị chung sống với nhau có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 08/02/2006, Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 03/6/2009 và Nguyễn Minh S, sinh ngày 29/12/2013. Hội đồng xét xử nhận thấy các cháu chưa thành niên và đang được anh K chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu đã ổn định. Vì vậy, nhằm ổn định cuộc sống của cháu T, cháu N và cháu S không bị ảnh hưởng tâm sinh lý của việc cha, mẹ ly hôn nên anh K yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu N mong muốn sống cùng với cha theo biên bản ghi ý kiến ngày 24/9/2019, còn chị B không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh K nên yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh K là có cơ sở nên được chấp thuận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị B không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên anh K xác định không yêu cầu chị B cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Anh K trình bày không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chị B vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh K phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 232; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K đối với chị Nguyễn Thị Bé B

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K với chị Nguyễn Thị Bé B

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 08/02/2006, cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 03/6/2009 và cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 29/12/2013 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành.

2.2. Chị Nguyễn Thị Bé B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh K không có yêu cầu

2.3. Anh K phải tạo điều kiện cho chị B trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm*:

4.1. Anh Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004964 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Anh K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Chị Nguyễn Thị Bé B không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, chị Nguyễn Thị Bé B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND.TPLX;
- TAND An Giang;
- UBND phường BĐ;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy